| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/2023/QĐST-DS | *Điện Biên, ngày 18 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Nhuận.

2. Bà Đỗ Thị Luyến.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc*"Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Hà Đức L, sinh năm 1970 và bà Phan Thị K, sinh năm 1972, cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông* L*:* Bà Phan Thị K, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà* K*:* Ông Sùng A X; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*** Bị đơn:** Ông Lò Văn Ơ, sinh năm 1963, địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông* Ơ*:* Ông Lường Văn M, địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Quang H – Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Trần Quý H1 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*** Người làm chứng:**

- Ông Lường Văn S; địa chỉ: Số nhà A, bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Nguyễn Văn B, địa chỉ: Số nhà G, bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Nguyễn Minh H2, địa chỉ: Số nhà C, bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Phạm Ngọc C và bà Trần Thị L1, cùng địa chỉ: Số nhà G, bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Về yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất":

*Diện tích đất tranh chấp là 2886,0m$^2$ nguyên đơn; bị đơn; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thống nhất, thoả thuận chia như sau:*

* Ông Hà Đức L, bà Phan Thị K được quyền quản lý, sử dụng 88,8m$^2$ (BHK) + 667,4m$^2$ (BHK) = 756,2m$^2$ (BHK). Tổng diện tích ông L, bà K được quyền quản lý, sử dụng là 756,2m$^2$ đất BHK. (Trong đó có 667,4m$^2$ đất BHK là phần diện tích bị thu hồi nằm trong đường quy hoạch động lực).

- Bao gồm các mốc như sau: Từ M1 - M4' = 59,17m; Từ M4' - M6' = 44,97m; Từ M6' - M7 = 22,53m; Từ M7 đến M1 = 7,88m. Tổng 756,2m$^2$ đất BHK.

- Vị trí giáp ranh của thửa đất:

Phía Đông giáp đất của ông Lò Văn Ơ.

Phía Tây giáp đất của ông L, bà K.

Phía Nam giáp đất của ông V, bà L2; ông M.

Phía Bắc giáp đất giáp đất ông H2.

* Ông Ơ được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích: 2129,8m$^2$ đất BHK.

- Bao gồm các mốc như sau: Từ M6' - M4' = 44,97 m; Từ M4'- M5 = 99,68m; Từ M5 - M6 = 19,40m; Từ M6 - M6' = 92,09m.

- Vị trí giáp ranh của thửa đất:

Phía Đông giáp đất nhà bà Yến

Phía Tây giáp đất nhà ông L, bà K.

Phía Nam giáp đất của ông V, bà L2.

Phía Bắc giáp đất giáp đất ông H2.

* Kèm theo quyết định là Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 526 – 2023, ngày 09/06/2023 của Trung tâm quản lý đất đai thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Thay thế mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 319 – 2023).

**2.2.** Thống nhất kết quả trên, sau khi Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, các hộ trên có trách nhiệm gửi đơn sang UBND phường N; UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên để yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi, chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng, đúng các hộ giáp ranh và theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 526 – 2023, ngày 09/06/2023 của Trung tâm quản lý đất đai thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Thay thế mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 319 – 2023). Các cơ quan chuyên môn sẽ có trách nhiệm hướng dẫn các hộ dân, tiếp nhận đơn và thực hiện theo Quyết định của Tòa án và theo đúng quy trình, trình tự thủ tục mà pháp luật quy định. Các được sự cùng nhau thống nhất tạo điều kiện thuận lợi cho nhau về mặt thủ tục để hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ, cấp đổi, chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông** Lò Văn Ơ **cụ thể như sau:**

- Ông Lò Văn Ơ và người đại diện theo uỷ quyền của ông Ơ là ông Lường Văn M thoả thuận, thống nhất ông Ơ rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu Toà án giải quyết đối với yêu cầu phản tố huỷ giấy chứng nhận QSDĐ của ông Hà Đức L.

- Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu, Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 22552, ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cấp cho ông Hà Đức L diện tích 3.000m$^2$ đất trồng rừng sản xuất.

**4. Về tiền chi phí tố tụng:**

Chi phí tố tụng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/5/2022 ông Hà Đức L và bà Phan Thị K đã nộp là 6.549.000 đồng.

Ông Ơ và ông L, bà K thoả thuận: Bà K, ông L phải chịu 3.549.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Ông Ơ phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông L, bà K đã nộp số tiền 6.549.000 đồng, nên ông Ơ có trách nhiệm trả cho ông L, bà K số tiền 3.000.000 đồng khi nhận được quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

*Kể từ ngày ông L, bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Ơ không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì ông L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.*

**5. Về án phí:** Căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 218; Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì ông L, bà K phải chịu 150.000 đồng án phí DSST, ông Ơ phải chịu 150.000 đồng án phí DSST, nhưng ông L, bà K tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí DSST là 300.000 đồng. Do vậy ông L, bà K phải chịu 300.000 đồng án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng án phí DSST đã nộp tại Chi cục thu hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001671, ngày 13/10/2021.

Đối với yêu cầu phản tố ông Ơ đã nộp án phí DSST là 300.000 đồng, tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của ông Ơ rút toàn bộ yêu cầu phản tố, Toà án đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ơ. Do vậy ông Ơ được trả lại tiền án phí yêu cầu phản tố là 300.000 đồng, ông Ơ đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Điện Biên theo biên lai số 0000052 ngày 10/01/2023.

**6.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**7.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự.
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- UBND phường N;
- UBND T.P Đ;
- Chi cục T.H.A T.P Đ;
- Cục T.H.A tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thanh Thủy**